



**NT CAPITAL CO., LTD**

**SGCB EXCLUSIVE DISTRIBUTOR IN VIET NAM**

**Add: No. 2 Group 1 Giap Nhat - Nhan Chinh Ward - Thanh Xuan District - Hanoi**


**Website: <http://sgcbvietnam.com> - Email: [sgcbvn@gmail.com](mailto:sgcbvn@gmail.com) - Hotline: 0912 020 569/0925 018 686**











*Hà Nội, ngày 01 tháng 01 năm 2018*







## **BẢNG GIÁ SGCB 2018**









| <b>Mã SP</b>                   | <b>Tên Sản Phẩm</b>                | <b>Kích thước</b> | <b>Hình ảnh SP</b> | <b>Đơn Giá</b> |
|--------------------------------|------------------------------------|-------------------|--------------------|----------------|
| <b>Foam Buffing Pad Series</b> |                                    |                   |                    |                |
| SGGA032                        | RO-Phốt đánh bóng ( Bước 1 Trắng ) | 6"/140*150*30mm   |                    | 174.199        |
| SGGA033                        | RO-Phốt đánh bóng ( Bước 2 Cam )   | 6"/140*150*30mm   |                    | 174.199        |
| SGGA034                        | RO-Phốt đánh bóng ( Bước 3 Vàng )  | 6"/140*150*30mm   |                    | 174.199        |
| SGGA035                        | RO-Phốt đánh bóng ( Bước 4 Xanh )  | 6"/140*150*30mm   |                    | 174.199        |
| SGGA036                        | RO-Phốt đánh bóng ( Bước 2 Vàng )  | 3"/75*85mm        |                    | 62.719         |
| SGGA046                        | DA-Phốt đánh bóng ( Bước 1 Xanh )  | 4"/80*100*25mm    |                    | 97.567         |
| SGGA047                        | DA-Phốt đánh bóng ( Bước 1 Xanh )  | 6"/130*150*25mm   |                    | 132.368        |












|         |                                      |                 |   |         |
|---------|--------------------------------------|-----------------|---|---------|
| SGGA048 | DA-Phốt đánh bóng ( Bước 1 Xanh )    | 7"/155*180*25mm |     | 153.308 |
| SGGA049 | DA-Phốt đánh bóng ( Bước 2 Xanh )    | 4"/80*100*25mm  |    | 97.567  |
| SGGA050 | DA-Phốt đánh bóng ( Bước 2 Xanh )    | 6"/130*150*25mm |    | 132.372 |
| SGGA051 | DA-Phốt đánh bóng ( Bước 2 Xanh )    | 7"/155*180*25mm |    | 153.308 |
| SGGA052 | DA-Phốt đánh bóng ( Bước 3 Đỏ )      | 4"/80*100*30mm  |    | 97.567  |
| SGGA053 | DA-Phốt đánh bóng ( Bước 3 Đỏ )      | 6"/130*150*30mm |    | 132.372 |
| SGGA054 | DA-Phốt đánh bóng ( Bước 3 Đỏ )      | 7"/155*180*30mm |   | 153.308 |
| SGGA057 | RUPES Phốt đánh bóng ( Bước 1 Xanh ) | 1.5"/30*40*16mm |  | 104.502 |
| SGGA058 | RUPES Phốt đánh bóng ( Bước 1 Xanh ) | 3"/50*70*20mm   |  | 160.242 |
| SGGA059 | RUPES Phốt đánh bóng ( Bước 1 Xanh ) | 4"/80*100*25mm  |  | 215.983 |
| SGGA060 | RUPES Phốt đánh bóng ( Bước 1 Xanh ) | 6"/130*150*25mm |  | 327.463 |

|         |   |                 |   |         |
|---------|---|-----------------|---|---------|
| SGGA061 | RUPES Phớt đánh bóng ( Bước 1 Xanh )    | 7"/150*180*30mm |     | 327.463 |
| SGGA062 | RUPES Phớt đánh bóng ( Bước 2 Xanh lá ) | 4"/80*100*25mm  |    | 215.983 |
| SGGA063 | RUPES Phớt đánh bóng ( Bước 2 Xanh lá ) | 6"/130*150*25mm |    | 327.463 |
| SGGA064 | RUPES Phớt đánh bóng ( Bước 2 Xanh lá ) | 7"/150*180*30mm |    | 327.463 |
| SGGA065 | RUPES Phớt đánh bóng ( Bước 3 Vàng )    | 1.5"/30*40*16mm |    | 104.502 |
| SGGA066 | RUPES Phớt đánh bóng ( Bước 3 Vàng )    | 3"/50*70*20mm   |    | 160.242 |
| SGGA067 | RUPES Phớt đánh bóng ( Bước 3 Vàng )    | 4"/80*100*25mm  |   | 215.983 |
| SGGA068 | RUPES Phớt đánh bóng ( Bước 3 Vàng )    | 6"/130*150*25mm |  | 327.463 |
| SGGA069 | RUPES Phớt đánh bóng ( Bước 3 Vàng )    | 7"/150*180*30mm |  | 327.463 |
| SGGA070 | RUPES Phớt đánh bóng ( Bước 4 Ghi )     | 4"/80*100*25mm  |  | 215.983 |
| SGGA071 | RUPES Phớt đánh bóng ( Bước 4 Ghi )     | 6"/130*150*25mm |  | 327.463 |

|                          |                                       |                              |   |         |
|--------------------------|---------------------------------------|------------------------------|---|---------|
| SGGA072                  | RUPES Phớt đánh bóng ( Bước 4 Ghi )   | 7"/150*180*30mm              |     | 327.463 |
| SGGA073                  | RUPES Phớt đánh bóng ( Bước 5 Trắng ) | 6"/130*150*25mm              |    | 327.463 |
| SGGA074                  | RUPES Phớt đánh bóng ( Bước 5 Trắng ) | 7"/150*180*30mm              |    | 327.463 |
| SGGA044                  | RO-Bộ phớt 3 bước 1 inch              | 1.6"/40*12mm/, 1.6"/40*6.5mm |    | 52.273  |
| SGGA045                  | RO-Bộ phớt 3 bước 2 inch              | 2.2"/56*12mm/, 2.2"/56*6.5mm |    | 59.252  |
| SGGA083                  | RO-Bộ phớt 3 bước 3 inch              | 3.2"/80*28mm/, 3.2"/80*6.5mm |    | 222.961 |
| <b>Other Buffing Pad</b> |                                       |                              |   |         |
| SGGA038                  | Phớt lông cừu 7"                      | 7"/180mm                     |   | 243.853 |
| SGGA039                  | Phớt lông cừu 3.2"                    | 3.2"/85*22mm                 |  | 83.610  |
| SGGA040                  | Phớt lông cừu 5"(dày 22mm)            | 5"/125*22mm                  |  | 139.351 |
| SGGA041                  | Phớt lông cừu 5"                      | 5"/125mm                     |  | 104.502 |











|   |                                 |                |   |           |
|---|---------------------------------|----------------|---|-----------|
| SGGA075                                       | Rupes - Phốt Microfiber -(Xanh) | 4"/100mm       |     | 271.723   |
| SGGA076                                       | Rupes - Phốt Microfiber -(Xanh) | 6"/125*150mm   |    | 494.640   |
| SGGA077                                       | Rupes - Phốt Microfiber -(Xanh) | 7"/150*180mm   |    | 494.640   |
| SGGA078                                       | Rupes - Phốt Microfiber -(Vàng) | 4"/100mm       |    | 271.723   |
| SGGA079                                       | Rupes - Phốt Microfiber -(Vàng) | 6"/125*150mm   |    | 494.640   |
| SGGA080                                       | Rupes - Phốt Microfiber -(Vàng) | 7"/150*180mm   |    | 494.640   |
| SGGA081                                       | Phốt đánh kính                  | 6"/150mm       |   | 160.242   |
| SGGA082                                       | Phốt đánh kính                  | 100*75mm       |  | 76.676    |
| SGGA084                                       | RO 3"- Phốt Hybird Cutting      | 3"/75*80*10mm  |  | 696.710   |
| SGGA085                                       | RO 5"- Phốt Hybird Cutting      | 5"130*145*10mm |  | 1.045.021 |
| SGGA086                                       | DA 5"- Phốt Hybird Cutting      | 5"130*145*10mm |  | 1.045.021 |
| <b>Rotary Circular Flexibel Backing Plate</b> |                                 |                |   |           |








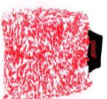



|                            |                                     |                 |   |         |
|----------------------------|-------------------------------------|-----------------|---|---------|
| SGGD118                    | Đế phớt đánh bóng 1.2"              | 1.2"/30mm/M14   |     | 104.502 |
| SGGD119                    | Đế phớt đánh bóng 2"                | 2"/30mm/M14     |    | 104.502 |
| SGGD050                    | Đế phớt đánh bóng 3"                | 3"/80mm/M14     |    | 104.502 |
| SGGD051                    | Đế phớt đánh bóng 5"-M14            | 5"/125mm/M14    |    | 160.242 |
| SGGD052                    | Đế phớt đánh bóng 5"-M16            | 5"/125mm/M16    |    | 160.242 |
| SGGD053                    | Đế phớt đánh bóng 6"-M14            | 6"/150mm/M14    |    | 195.091 |
| SGGD054                    | Đế phớt đánh bóng 6"-M16            | 6"/150mm/M16    |   | 195.091 |
| SGGD058                    | Đầu chuyển đổi M16 => M14           | 16/14           |  | 55.740  |
| SGGD059                    | Đầu chuyển đổi M14 => M16           | 14/16           |  | 55.740  |
| SGGD057                    | Bộ trục nối gắn đế phớt M14         | 102/72/52mm/M14 |  | 661.861 |
| <b>Tornador Gun Series</b> |                                     |                 |   |         |
| SGGC022                    | Tornador- Dọn nội thất ( Lõi nhựa ) |                 |  | 801.168 |



|         |   |  |   |           |
|---------|---|--|---|-----------|
| SGGC023 | Tornado- Dọn nội thất ( Lõi nhôm )  |  |     | 1.219.176 |
| SGGC029 | Tornado - Tạo bọt rửa xe  |  |    | 766.363   |
| SGGC045 | Tornado - Tạo bọt ( kèm hóa chất )  |  |    | 836.017   |
| SGGC052 | Đầu thay thế cho bộ phun hút SGGC051  |  |    | 1.184.371 |
| SGGC037 | Tornado - Đa năng phun hóa chất<br>( Khoang máy , khe kẽ, gầm,v.v.. )Ngắn         |  |    | 905.670   |
| SGGC038 | Tornado - Đa năng phun hóa chất<br>( Khoang máy , khe kẽ, gầm,v.v.. )Dài          |  |    | 940.519   |
| SGGC030 | Tornado - Đa năng phun hóa chất<br>( Khoang máy , khe kẽ, gầm,v.v.. )Có bình chứa |  |    | 696.710   |
| SGGC031 | Tornado - Xi khô tạo xoáy ( Lõi nhựa )  |  |  | 264.736   |
| SGGC032 | Tornado - Xi khô tạo xoáy ( Lõi nhựa, đầu chổi )                                  |  |  | 334.442   |
| SGGC044 | Tornado - Xi khô tạo xoáy ( Lõi nhôm )  |  |  | 696.710   |
| SGGC043 | Tornado - Phun hóa chất dưỡng   |  |  | 1.045.021 |












|  |  |                      |   |           |
|--|--|----------------------|---|-----------|
| SGGC040  | Súng xì khô  |                      |     | 243.853   |
| SGGC051  | Tornado - Bộ phun hút (Taiwan)                                     |                      |    | 3.413.676 |
| <b>Air Pneumatic Polisher /Polisher Series</b> |  |                      |   |           |
| SGGF001  | Máy chà hơi 5" (Taiwan)  | 5"                   |    | 2.299.002 |
| SGGF003  | Máy đánh bóng hơi 5"( Wax )  | 5"                   |    | 836.017   |
| SGGF010  | Máy chà hơi 3" (Taiwan)  | 3"                   |    | 2.299.002 |
| SGGF041  | Máy chà kính (Taiwan)  | 100*110mm            |    | 2.960.863 |
| SGGF028  | Máy đánh bóng đồng tâm 5"  | 5"/RO/220V           |   | 3.831.685 |
| SGGF064  | Máy đánh bóng đồng tâm chuyên dùng 1,2,3"<br>( Kèm bộ phớt 3 bước) | 1.2", 2", 3"/RO/220V |  | 3.831.685 |
| SGGF069  | Máy đánh bóng quỹ đạo 6"( 21mm )                                   | 6"/DA/21mm/220V      |  | 4.876.706 |
| SGGF037  | Máy đánh bóng quỹ đạo 5"( 15mm )                                   | 5"/DA/15mm/220V      |  | 4.528.351 |
| SGGF038  | Máy đánh bóng quỹ đạo 5"( 12mm )                                   | 5"/DA/12mm/220V      |  | 3.762.031 |















|                            |   |                          |   |            |
|----------------------------|---|--------------------------|---|------------|
| SGGF039                    | Máy đánh bóng quỹ đạo 3"( 12mm )        | 3"/DA/12mm/220V          |     | 3.573.919  |
| SGGF081                    | Máy khử mùi điều hòa                    | 430*310*290mm/220V/1800W |   | 3.227.599  |
| SGGF082                    | Máy đánh bóng chi tiết nhỏ              | 102M/3.2mm/20000RPM/M14  |    | 2.234.492  |
| SGGF060                    | Bút đèn kiểm tra khuyết tật sơn         |                          |    | 418.008    |
| SGGF061                    | Đèn led đa năng                         |                          |    | 1.672.033  |
| SGGF062                    | Đèn kiểm tra khuyết tật sơn ( Pin sạc ) |                          |    | 4.180.040  |
| SGGF063                    | Chân đế gắn đèn                         |                          |    | 1.045.021  |
| SGGF057                    | Đèn pha led ( Trắng )                   | 50W/85-265V              |   | 975.367    |
| SGGF058                    | Đèn pha led ( Vàng )                    | 50W/85-265V              |  | 975.367    |
| SGGF049                    | Đèn hồng ngoại 3300W                    | 1100W*3/220V             |  | 12.400.681 |
| <b>Washing Tool Series</b> |   |                          |   |            |
| SGGD001                    | Mút dưỡng                               | 90*60*30mm               |  | 4.916      |












|         |                               |               |   |         |
|---------|-------------------------------|---------------|---|---------|
| SGGD033 | Mút dưỡng                     | 90*70*35mm    |     | 13.957  |
| SGGD003 | Mút phủ                       | 83*52*25mm/10 |    | 209.004 |
| SGGD002 | Mút dưỡng                     | 105mm/6       |    | 83.610  |
| SGGD136 | Mút dưỡng                     | 97*31mm/5     |    | 139.351 |
| SGGD004 | Mút rửa xe                    | 200*125*45mm  |    | 27.870  |
| SGGD036 | Găng tay rửa xe ( lông ngắn ) | 245*165mm     |    | 104.502 |
| SGGD077 | Găng tay rửa xe ( lông dài )  | 245*165mm     |    | 236.874 |
| SGGD158 | Găng tay rửa xe               | 210*310mm     |   | 487.706 |
| SGGD085 | Cây dưỡng lốp                 | 90*290mm      |  | 87.122  |
| SGGD008 | Khăn Microfiber 320g          | 40x60CM       |  | 20.936  |
| SGGD009 | Khăn Microfiber 400g-(Đỏ)     | 40x60CM       |  | 25.807  |

|         |   |                |   |        |
|---------|---|----------------|---|--------|
| SGGD071 | Khăn Microfiber 400g-(Xanh)                       | 40x60CM        |     | 25.807 |
| SGGD072 | Khăn Microfiber 400g-(Ghi)                        | 40x60CM        |    | 25.807 |
| SGGD073 | Khăn Microfiber 400g-(Tím)                        | 40x60CM        |    | 25.807 |
| SGGD010 | Khăn Microfiber 400g-(Xanh dương)                 | 60x160CM       |    | 83.610 |
| SGGD074 | Khăn Microfiber 400g-(Ghi)                        | 60x160CM       |    | 83.610 |
| SGGD007 | Khăn Wax Microfiber 320g-(Đỏ)                     | 40*40CM        |    | 19.531 |
| SGGD070 | Khăn Wax Microfiber 320g-(Ghi)                    | 40*40CM        |    | 19.531 |
| SGO094  | Khăn phủ(Coating)                                 | 10*10CM        |  | 4.916  |
| SGGD122 | Khăn siêu thấm nước ( Microfiber - Đỏ)            | 500GSM/40*60CM |  | 83.610 |
| SGGD123 | Khăn siêu thấm nước ( Microfiber - Ghi)           | 500GSM/40*60CM |  | 83.610 |
| SGGD124 | Khăn siêu thấm nước ( Microfiber - Đỏ- Khâu viền) | 600GSM/40*40CM |  | 69.697 |

|         |  |                |   |        |
|---------|--|----------------|---|--------|
| SGGD125 | Khăn siêu thấm nước ( Microfiber - Ghi -Khâu viền) | 600GSM/40*40CM |     | 69.697 |
| SGGD126 | Khăn 2 mặt (Đỏ - lông ngắn,lông dài)               | 380GSM/40*60CM |    | 55.740 |
| SGGD127 | Khăn 2 mặt (Ghi - lông ngắn,lông dài)              | 380GSM/40*60CM |    | 55.740 |
| SGGD128 | Khăn lau kính                                      | 300GSM/40*40CM |    | 39.018 |
| SGGD011 | Chai chia xi nắp tròn                              | /200ml         |    | 13.957 |
| SGGD132 | Chai chia xi nắp dẹt                               | 200ml          |    | 13.957 |
| SGGD012 | Chai chia xi nắp tròn                              | 300ml          |    | 17.424 |
| SGGD133 | Chai chia xi nắp dẹt                               | 300ml          |   | 17.424 |
| SGO001  | Đầu chai chia xi ( Đỏ )                            |                |  | 10.490 |
| SGO133  | Đầu chai chia xi ( Đen )                           |                |  | 10.490 |
| SGO185  | Đầu chai chia xi nắp dẹt                           |                |  | 10.490 |

|         |                                    |            |   |         |
|---------|------------------------------------|------------|---|---------|
| SGZZ071 | Chai phun hóa chất                 | 270ML      |     | 139.351 |
| SGGD013 | Chai phun hóa chất                 | 500ml      |    | 24.403  |
| SGGD015 | Chai phun hóa chất (Đen)           | 800ml      |    | 41.827  |
| SGGD139 | Chai phun hóa chất (Ghi )          | 800ml      |    | 52.273  |
| SGGD084 | Chai phun hóa chất ( Đầu tạo bọt ) | 800ml      |    | 69.697  |
| SGO005  |                                    |            |    | 20.936  |
| SGO016  | Đầu phun hóa chất ( Đen )          |            |    | 38.360  |
| SGO169  | Đầu phun hóa chất ( Ghi )          |            |   | 48.806  |
| SGO197  | Đầu phun hóa chất ( Tạo bọt )      |            |  | 62.719  |
| SGGD034 | Chổi đa năng size L                | 390*20*7mm |  | 55.778  |
| SGGD018 | Chổi đa năng size M                | 325*20*7mm |  | 51.765  |






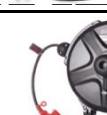




|         |   |                     |   |           |
|---------|---|---------------------|---|-----------|
| SGGD019 | Chổi đa năng size S                       | 200*14*5mm          |    | 31.852    |
| SGGD076 | Chổi dọn nội thất                         | 235*56*14mm         |    | 135.382   |
| SGGD045 | Chổi vệ sinh lazang ( L )                 | 43cm                |    | 111.506   |
| SGGD049 | Chổi vệ sinh lazang(XL)                   | 45cm                |    | 143.357   |
| SGGD020 | Đầu phun nước đa năng 8 tính năng(Taiwan) |                     |    | 404.095   |
| SGGD022 | Đầu phun nước đa năng 7 tính năng(Taiwan) |                     |    | 243.853   |
| SGGD025 | Xe đẩy đồ đa dụng                         | 139.5*52*94CM       |    | 1.846.167 |
| SGGD026 | Áo phông                                  |                     |   | 313.506   |
| SGGD042 | Găng tay                                  | 100支                |  | 236.874   |
| SGGD046 | Bộ chổi đa năng                           | 10#/12#/14#/16#/18# |  | 174.199   |
| SGGD047 | Ghế 2 bậc                                 | 535*477*601mm       |  | 661.861   |


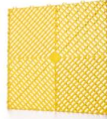
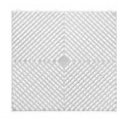
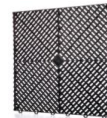


|         |                            |          |   |           |
|---------|----------------------------|----------|---|-----------|
| SGGD086 | Ghế đánh bóng có bánh xe   |          |     | 1.288.874 |
| SGGD029 | Xô giặt phớt full          |          |    | 2.299.002 |
| SGGD069 | Xô giặt phớt full          |          |    | 2.299.002 |
| SGGD111 | Xô giặt phớt có lõi        |          |    | 1.428.181 |
| SGGD112 | Xô giặt phớt có lõi        |          |    | 1.428.181 |
| SGGD113 | Xô giặt phớt có lọc cát    |          |    | 418.008   |
| SGGD114 | Xô giặt phớt có lọc cát    |          |    | 418.008   |
| SGGD115 | Xô rửa xe có lọc cát và đế |          |   | 1.393.508 |
| SGGD116 | Xô rửa xe có lọc cát và đế |          |  | 1.393.508 |
| SG0119  | Lọc cát ( Đen )            | 266*65mm |  | 104.502   |
| SG0120  | Lọc cát ( Đỏ )             | 266*65mm |  | 104.502   |




|         |                             |               |   |           |
|---------|-----------------------------|---------------|---|-----------|
| SG0121  | Lọc cát ( Xanh )            | 266*65mm      |     | 104.502   |
| SG0122  | Lọc cát ( Vàng )            | 266*65mm      |    | 104.502   |
| SG0123  | Xô rửa xe ( Đen )           |               |    | 313.506   |
| SG0124  | Xô rửa xe ( Đỏ )            |               |    | 313.506   |
| SG0125  | Đế có bánh xe               |               |    | 870.865   |
| SG0127  | Cốc đựng hóa chất           | 300*33mm      |    | 243.853   |
| SG0128  | Tấm kết nối xô              | 240*150mm     |    | 348.355   |
| SGGD117 | Bộ chọc lazang cao cấp      | 200/310/460mm |   | 2.090.042 |
| SGGD131 | Bàn chải đánh lốp           | 65*215mm      |  | 69.785    |
| SGGD135 | Đầu tạo bọt gắn vào máy rửa | 1000ml        |   | 836.017   |
| SGGD144 | Băng dính                   | 18mm*50M      |  | 29.275    |



|                             |                                |                 |   |            |
|-----------------------------|--------------------------------|-----------------|---|------------|
| SGGD157                     | Tủ đựng đồ                     | 3600*600*1960mm |     | 64.441.668 |
| <b>Deatling Clay Series</b> |                                |                 |   |            |
| SGGE001                     | Đất sét Joyboon(Japan)         | 200g            |    | 313.506    |
| SGGE002                     | Đất sét Joyboon(Japan)         | 200g            |    | 313.506    |
| SGGE003                     | Đất sét SGCB                   | 150g            |    | 104.502    |
| SGGE005                     | Găng tay đất sét SGCB (Taiwan) | 210*130mm       |    | 418.008    |
| SGGE006                     | Khăn đất sét SGCB (Taiwan)     | 300*330mm       |    | 418.008    |
| SGGE007                     | Mút đất sét SGCB (Taiwan)      | 110*70*42mm     |   | 209.004    |
| SGGE010                     | Phớt đất sét SGCB (Taiwan)     | 6"/150*19mm     |  | 418.008    |
| <b>Hose Reel Series</b>     |                                |                 |   |            |
| SGGF004                     | Cuộn dây hơi SGCB - S          | 6.5*10.0mm*10M  |  | 1.393.376  |
| SGGF023                     | Cuộn dây hơi SGCB - M          | 8.0*12.0mm*10M  |  | 1.532.683  |

|  |                           |                             |   |           |
|--|---------------------------|-----------------------------|---|-----------|
| SGGF024  | Cuộn dây hơi SGCB - L     | 10.0*14.5mm*10M             |     | 1.776.536 |
| SGGF025  | Cuộn dây nước SGCB - S    | 6.5*10.0mm*10M              |    | 1.463.029 |
| SGGF005  | Cuộn dây nước SGCB - M    | 8.0*12.0mm*10M              |    | 1.602.336 |
| SGGF026  | Cuộn dây nước SGCB - L    | 10.0*14.0mm*10M             |    | 1.811.340 |
| SGGF006  | Cuộn dây điện SGCB 2      | 2x1.5mm <sup>2</sup> *10M   |    | 1.393.376 |
| SGGF027  | Cuộn dây điện SGCB 3      | 3 x2.5mm <sup>2</sup> *10M  |    | 1.602.336 |
| SGGF007  | Cuộn dây nước cao áp SGCB | 8.0*17.0mm*10M              |    | 4.040.689 |
| SGGF016  | Cuộn dây nước & hơi SGCB  | 8.0×12.0mm*7M/6.0×10.0mm*7M |   | 2.647.357 |
| SGGF047  | Hộp ghép nối 1 ô          | Not Include Composing       |  | 766.363   |
| SGGF048  | Nắp hộp ghép nối          | Not Include Composing       |  | 487.706   |
| <p><i>SGGF004 cộng thêm 1,5\$/1 mét (lên đến 15 mét), SGGF023 cộng thêm 2\$/1 mét (lên đến 14 mét), SGGF025 cộng thêm 2\$/1 mét (lên đến 15 mét), SGGF005 cộng thêm 2,5\$/1 mét (lên đến 14 mét), SGGF006 cộng 2\$/1 mét (lên đến 15 mét), SGGF027 cộng với 3,5\$/1 mét (lên đến 15 mét)</i></p> |                           |                             |   |           |

|         |                    |              |   |         |
|---------|--------------------|--------------|---|---------|
| SGGD078 | Tấm sàn            | 400*400*16mm |     | 98.270  |
| SGGD079 | Tấm sàn            | 400*400*16mm |    | 98.270  |
| SGGD080 | Tấm sàn            | 400*400*16mm |    | 98.270  |
| SGGD081 | Tấm sàn            | 400*400*16mm |    | 98.270  |
| SGGD082 | Tấm sàn            | 400*400*16mm |    | 98.270  |
| SGGD132 | Tấm sàn            | 400*400*16mm |    | 98.270  |
| SGGD083 | Đế lót tấm sàn     | 400*400*20mm |    | 98.270  |
| SGYC002 | Đầu thay -Tornador |              |   | 34.849  |
| SGBB016 | Áo khoác SGCB      | M/L/XL       |  | 557.359 |
| SGBB018 | Tạp giề SGCB       |              |  | 174.199 |
| SGBB021 | Tạp giề Rupes      |              |  | 452.857 |

|         |          |          |   |         |
|---------|----------|----------|---|---------|
| SGBB017 | Cò SGCB  | 144*96CM |   | 383.204 |
| GOZ010  | Cò GYEON | 144*96CM |   | 383.204 |
| SGBB021 | Cò RUPES | 144*96CM |  | 383.204 |
| SGBB022 | Cò FLEX  | 144*96CM |  | 383.204 |
|         |          |          |   |         |